

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOA VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOA VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA VIET INVESTMENT SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110201848

**3. Ngày thành lập:** 07/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5 ngách 12 ngõ 629 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979919180

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)      | 4543     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa. | 4610     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                          | 4620     |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                  | 4631     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                              | 4632     |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                                | 4633     |
| 7.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                           | 4634     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                            | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                              | 4649     |
| 10. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                             | 4651     |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                              | 4652     |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                          | 4653     |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                 | 4659     |
| 14. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                    | 4661     |
| 15. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                             | 4662     |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                         | 4663     |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                               | 4669     |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                       | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                             | 8299        |
| 20. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10, Điều 60 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)                                                             | 6810(Chính) |
| 21. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014)<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014) | 6820        |
| 22. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 23. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                            | 4711        |
| 25. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                              | 4719        |
| 26. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                               | 4721        |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4722        |
| 28. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                  | 4723        |
| 29. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4724        |
| 30. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                       | 4730        |
| 31. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                    | 1030        |
| 32. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                             | 1050        |
| 33. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                             | 4774        |
| 34. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                | 4781        |
| 35. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                        | 4782        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                              | 4783        |
| 37. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                             | 4784        |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)                                                                                                                     | 4789        |
| 39. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                    | 4791        |
| 40. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                               | 4799        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                       | 5210 |
| 42. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                           | 5225 |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                               | 5229 |
| 45. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 46. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                          | 5621 |
| 47. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 48. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 49. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                        | 4299 |
| 50. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4741 |
| 51. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4742 |
| 52. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                   | 4751 |
| 53. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4752 |
| 54. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                       | 4753 |
| 55. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                           | 4759 |
| 56. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ sách, truyện các loại;<br>- Bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác;<br>- Bán lẻ văn phòng phẩm: Bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ... | 4761 |
| 57. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4762 |
| 58. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4763 |
| 59. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                          | 4764 |
| 60. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4771 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 61. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ thuốc tân dược (kể cả thuốc thú y),<br>- Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.<br>- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;<br>- Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;<br>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm... | 4772 |
| 62. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.500.000

#### 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ VĂN LUÂN | Số 22B, Ngách 285/3 ngõ 285 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000     | 750.000.000           | 5,000     | 0220900054<br>51                                                                            |         |
|     |             |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                 | Tổng số                   | 75.000     | 750.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                              |                           |        |             |       |              |
|---|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 2 | CAO THÀNH TRUNG     | 405- B5 , Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 5,000 | 001078001228 |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 5,000 |              |
| 3 | ĐỖ ĐỨC THÁI         | 24 ngõ 148/30 đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 5,000 | 019089000166 |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 5,000 |              |
| 4 | KHUẤT THỊ THUY LINH | số 16A ngõ 1104 Đê La thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông         | 75.000 | 750.000.000 | 5,000 | 001188027356 |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                     |                                                                                              | Tổng số                   | 75.000 | 750.000.000 | 5,000 |              |

|   |                    |                                                                                     |                                    |               |                |        |                  |
|---|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 5 | ĐẶNG ANH<br>PHƯƠNG | 20 Hàng Bè,<br>Phường Hàng<br>Bạc, Quận Hoàn<br>Kiếm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000 | 80,000 | 0010790222<br>68 |
|   |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                    |                                                                                     | Tổng số                            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000 | 80,000 |                  |
|   |                    |                                                                                     |                                    |               |                |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ VĂN LUÂN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/08/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *022090005451*

Ngày cấp: *12/06/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Trung, Xã Đông Rui, Huyện Tiên Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 22B, Ngách 285/3 ngõ 285 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội